

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỒNG XOÀI
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2018/HNGĐ-ST
Ngày 10-8-2018
V/v ly hôn giữa anh T và chị N

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đào Xuân Nhi

Bà Nguyễn Thị Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thiện – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước không tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 197/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/QĐXX-ST ngày 23 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Văn T; sinh năm 1985; cư trú tại: Ấp B, xã T, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước (xin vắng mặt)

- Bị đơn: Chị Phạm Thị N; sinh năm 1987; cư trú tại: Ấp B, xã T, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước (vắng mặt),

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/4/2018 và tại bản tự khai, nguyên đơn Phạm Văn T trình bày:

Anh và chị Phạm Thị N chung sống với nhau từ năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tiên Hưng, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước theo quy định (Giấy chứng nhận kết hôn số 72/2006, quyền số 1 ngày 07/9/2006). Việc kết hôn là do hai bên tự nguyện, không bị ai ép buộc. Thời gian chung sống vợ chồng hạnh phúc, sau đó thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Do không thể chung sống nên

đến năm 2016 thì vợ chồng sống ly thân. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn nên muốn ly hôn với chị N.

Quá trình chung sống anh chị có 01 con chung tên là Phạm Quỳnh A sinh ngày 19/3/2007. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh T không còn yêu cầu nào khác.

Trong quá trình giải quyết, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn Phạm Thị Ngân vẫn vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn Phạm Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn Phạm Thị N vắng mặt không lý do. Căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh T, chị N là đúng quy định.

Bị đơn Phạm Thị N hiện đang cư trú tại ấp B, xã T, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh T, chị N chung sống và có đăng ký kết hôn từ năm 2006. Nay anh T yêu cầu xin ly hôn, không yêu cầu giải quyết về con chung, không yêu cầu giải quyết về chia tài sản chung và nợ chung. Xét yêu cầu khởi kiện thì đây là vụ án hôn nhân và gia đình, có quan hệ pháp luật là “Ly hôn” theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Anh T, chị N tự nguyện chung sống với nhau, có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn. Căn cứ vào các Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 là đúng quy định pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Anh T trình bày sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn kéo dài do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nên gia đình không hạnh phúc. Điều này phù hợp với nội dung đơn xin xác nhận của chính quyền địa phương ngày 15/5/2018. Do không thể chung sống nên anh chị đã ly thân từ năm 2016 đến nay. Anh T khẳng định mình không còn tình cảm với chồng và vẫn giữ yêu cầu ly hôn. Chị N mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, giấy triệu tập nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên không ghi nhận được ý kiến. Căn cứ vào Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cho thấy tình nghĩa vợ chồng giữa anh chị đã không còn. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống

chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T là có cơ sở.

[3] Về con chung: Anh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí đối với tranh chấp hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228 Khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 8, Khoản 1 Điều 9, Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Phạm Văn T và chị Phạm Thị N.
2. Về con chung: Không xem xét giải quyết.
3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

- Án phí: Anh T phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000307 ngày 15/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. Anh T đã nộp đủ án phí.

- Anh T, chị N được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước
- VKSND thị xã Đồng Xoài;
- CCTHADS thị xã Đồng Xoài;
- UBND xã Tiên Hưng, ĐX, BP;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thị Hương Giang

